MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ ĐẠI DIỆN QUYỀN CHỦ SỞ HỮU TẠI HỆ THỐNG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NHẰM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Trần Minh Đạo
Khoa Marketing, trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: tranminhdaoktqd@gmail.com

Ngày nhận: 24/11/2016
Ngày nhận bản sửa: 28/12/2016
Ngày duyệt đăng: 25/01/2017

Tóm tắt:
Vấn đề xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vẫn là chủ đề được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Đây rõ ràng là điều không thể chậm trễ hơn được nữa nếu Việt Nam muốn không lạc hậu trong dòng chảy của nền kinh tế thị trường thế giới. Trên thực tế, mặc dù đã trải qua 30 năm chuyển đổi mô hình kinh tế, song cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có một thể chế kinh tế thị trường đầy đủ và đúng nghĩa. Một trong những nguyên nhân của sự chậm trễ này, theo tác giả, bắt nguồn từ quá trình chậm đổi mới và cải cách nhanh hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Bài viết này sẽ bàn vấn đề về lựa chọn bước đi mô hình tiếp tục đổi mới chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam - một trong những rào cản chính của tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam.
Từ khóa: Thể chế; kinh tế thị trường; doanh nghiệp nhà nước; chế độ sở hữu.

Some issues on reforming the regime of ownership representative in state enterprise to improve the socialist-oriented market economy in Vietnam

Abstract:

Building and developing the socialist - oriented market economy is an extremely interesting topic in Vietnam. Despite more than 30 years of economic renovation, Vietnam still does not have a proper market economy institution. One of the reasons is the delay in the reform process of the state – owned enterprises. This paper discusses the future direction and the innovation model of state – owned enterprises in Vietnam for the socialist-oriented market economy in Vietnam according to the Resolution of the XII Congress of the Communist Party of Vietnam.

Keywords: Institution; market economy; state – owned enterprises; ownership regime.

1. Đặt vấn đề

Quan điểm về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về vai trò, vị trí, chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý và giải pháp đối với hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở Việt Nam đã được bàn nhiều trong quá xây dựng và phát triển đất nước gắn liền với tiến trình đổi mới. Chủ đề này đã được nhiều Chương trình, đề tài cấp nhà nước nghiên cứu và đề cập đến từ những năm 1990 cho đến nay. Các Chương trình và đề tài đó đã đưa ra nhiều quan điểm, giải pháp về xây dựng thể chế kinh tế thị trường, về đổi mới và tăng cường vai trò của sở hữu nhà nước, DNNN. Bài viết này chỉ đề cập tới một khía cạnh rất hẹp là: *Kinh tế thị trường vốn được hình thành trên nền tảng của sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, do đó, không có nền tảng là sở hữu tư nhân thì không thể có nền kinh tế thị trường và thể chế kinh tế trường hoàn chỉnh.* Đây là điều bài viết muốn tiếp tục khẳng định để có sự đồng thuận và nhanh chóng hơn trong việc tạo ra nền tảng - cơ sở của kinh tế thị trường. Xuất phát từ luận thuyết rất cơ bản đó của Học thuyết Mác-Lenin, bài viết

lý giải và tìm kiếm sự đồng thuận từ một thực tế là: Việt Nam không thể có kinh tế thị trường hoàn chỉnh, nếu không nhanh chóng và lựa chọn trúng mô hình tổng quát về cải cách chế độ đại diện quyền sở hữu đối với hệ thống DNNN theo hướng giảm thiểu sự "công hữu", tăng tối đa sự "tư hữu" theo chuẩn mực của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Và đây cũng chỉ coi là một trong những quan điểm cần thống nhất về nhận thức trên phương diện khoa học và mạnh dạn hơn nữa trên phương diện thực tiễn. Bài viết không đi sâu bàn về xây dựng hay hoàn thiện toàn diện các mặt của thể chế kinh tế thị trường và cũng không bàn chi tiết về các điều kiện và giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện và triển khai đổi mới mô hình chế độ đại diện quyền chủ sở hữu đối với hệ thống DNNN ở Việt Nam hiện nay như thế nào. Bài viết chỉ đề cập đến vấn đề lựa chọn bước đi và mô hình đại diện chế độ quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam hiện nay nhằm góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) và tái cấu trúc hệ thống DNNN, đặc biệt là tái cấu trúc các tập đoàn và tổng công ty nhà nước là một trong những nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước ta luôn coi là nhiệm vụ trọng tâm. Nhưng trên thực tế, cho đến nay, các nhiệm vụ trên vẫn chưa tiến triển như mong đợi và do đó, chủ đề đó lại tiếp tục được Đại hội XII của Đảng nêu ra. Để khắc phục một cách căn bản tình trạng trì trệ đó và thực hiện chủ trương của Đảng, được ghi trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến cho dự thảo Nghị định về việc thành lập Ủy ban quản lý và giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, chủ đề về bước đi và mô hình về chế độ đại diện quyền chủ sở hữu DNNN lại nổi lên hơn bao giờ hết và cũng chưa có hướng đi rõ nét. Hoàn toàn chia sẻ với quan điểm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng đây là công việc "không thể trì hoãn", Ông Đặng Huy Đông, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, "Ở thời điểm hiện tại, quyết tâm chính trị về việc tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của DNNN đã được thể hiện rất rõ ràng. Điều này không chỉ là ý chí chính trị mà còn xuất phát từ thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp cũng như mong muốn của người dân. (Đặng Hương, 2016). Tìm hiểu cho thấy, nhiều doanh nghiệp hiện nay chịu cảnh quản lý "1 cổ nhưng 5-6 tròng" gây rất nhiều mệt mỏi khó khăn cho doanh nghiệp. Bản thân họ cũng muốn thay đổi cung cách quản lý bấy lâu nay. Tuy nhiên, khi dự thảo Nghị định được đưa ra (mới trong khuôn khổ xin ý kiến) đã xuất hiện nhiều câu hỏi "nghi ngại" và chưa có lời giải thỏa đáng.

Đó là bối cảnh dẫn đến chủ đề được lựa chọn của bài viết này. Xuất phát từ góc độ tiếp cận và giới hạn phạm vi chủ đề nghiên cứu, như đã nêu trên, bài viết sẽ tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Nền kinh tế thị trường và hệ thống doanh nghiệp nhà nước. Nội dung này hướng vào trả lời câu hỏi: *Kinh tế thị trường dựa trên nền tảng của chế độ sở hữu nào và do đó, để có nền kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường cần cải cách chế độ sở hữu nói chung và chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam hiện nay theo hướng nào?*

- Đổi mới căn bản chế độ dại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam. Nội dung này hướng vào trả lời câu hỏi: *Nên lựa chọn bước đi và mô hình nào để cải cách chế độ đại diện quyền sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam hiện nay theo yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường?*

2. Nền kinh tế thị trường và hệ thống doanh nghiệp nhà nước

Kinh tế thị trường đã có lịch sử phát triển hàng trăm năm. Trước đây, nhiều người đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, nên các quốc gia đi theo con đường xã hội chủ nghĩa "chối bỏ" kinh tế thị trường và do đó, đã "chối bỏ" luôn cả cơ sở phát sinh, phát triển của kinh tế thị trường - sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Từ đó, các quốc gia phủ nhận kinh tế thị trường để đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, đã nhanh chóng (đến mức bỏ qua cả tính tuần tự theo quy luật) thiết lập một nền tảng kinh tế công hữu "thống trị". Việt Nam là quốc gia đã đi theo mô hình này, kèm theo đó Việt Nam đã thiết lập một hệ thống kinh tế công hữu (chủ yếu là bằng mệnh lệnh hành chính) "bao phủ" gần như toàn bộ các cơ sở kinh tế. Mô hình kinh tế đó đã không thành công. Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa theo mô hình cũ được thay thế bằng các mô hình kinh tế mới. Do bối cảnh chính trị ở mỗi quốc gia khác nhau, nên mô hình kinh tế mới này có thể có tên gọi khác nhau, nhưng về nội hàm và xu thế tất yếu là mô hình kinh tế kinh tế thị trường. Do lựa chọn "mức độ" kinh tế thị trường khác nhau, dẫn đến "mức độ phủ quyết" nền tảng của kinh tế xã hội chủ nghĩa có sự khác

nhau. Việt Nam đã từng đi theo mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung xã hội chủ nghĩa, nên trước khi sự nghiệp đổi mới diễn ra, Việt Nam có một hệ thống DNNN thống trị và bao trùm. Khi đề ra đường lối đổi mới, Việt Nam không lựa chọn mô hình chuyển đổi theo kiểu của các nước xã hội chủ nghĩa cũ như Liên Xô và các nước Đông Âu, nên không lựa chọn "liệu pháp sốc", mà đã và đang lựa chọn bước đi "dò đá qua sông", với tên gọi của mô hình là Kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chính mô hình này đã phản ánh sự lựa chọn của Việt Nam về cả quan điểm, thái độ, tốc độ… cải cách hệ thống DNNN và do đó, tốc độ tạo ra nền tảng thực sự mang tính phổ biến của nền kinh tế thị trường. Nhiều yếu tố thuộc môi trường thể chế của nền kinh tế thị trường đối với hệ thống doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế hoặc vẫn, chủ yếu bị chi phối bởi "chủ nghĩa bảo hộ" đối với hệ thống DNNN, hoặc trong thực thi chính sách, luật pháp và tổ chức thực hiện của các cơ quan công quyền và quản lý vẫn mang nặng tư duy "bao biện" bởi nền kinh tế xã hội chủ nghĩa "công hữu". Các quan hệ bình thường của kinh tế thị trường đã bị làm "méo mó" bởi quan hệ "thân hữu". Tác giả hoàn toàn đồng tình với quan điểm của nhiều nhà quản lý và các chuyên gia, chẳng hạn như: Tiến sĩ Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã nhận định rằng những nhân tố như đất đai, nguồn vốn vẫn dồn nhiều cho khu vực kinh tế nhà nước và khu vực doanh nghiệp "thân hữu" mà không dồn vào nhóm có năng lực cạnh tranh cao trong nền kinh tế. Đây là thực tế đáng lo ngại cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân và toàn bộ nền kinh tế. Hoặc theo chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan, trong nhóm các doanh nghiệp "thân hữu" có doanh nghiệp nhà nước. Còn ông Nguyễn Đình Cung, Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế Trung ương khẳng định, cũng chính do "thân hữu" ở Việt Nam nhiều như vậy nên "chúng ta thiếu thị trường, Nhà nước quá nhiều, còn thị trường quá ít, không công bằng" (Hương Loan, 2016).

Chưa đủ căn cứ và thông tin để đánh giá "liệu pháp sốc" và "liệu pháp dò đá qua sông", liệu pháp nào tốt hơn liệu pháp nào. Nhưng trên thực tế, có nhiều quốc gia thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu đã gia nhập khu vực kinh tế EU. Tất nhiên các quốc gia này, khi đó, đã có trình độ phát triển kinh tế cao, nhưng xét về hình thức họ là các quốc gia đã được công nhận là nền kinh tế thị trường và đã có thể chế kinh tế thị trường nhanh chóng kể từ khi chuyển đổi. Trái lại, Việt Nam, đã trải qua 30 năm đổi mới, nhưng chủ đề này vẫn như câu chuyện của ngày mai và đang ở phía trước. Nguyên nhân vì sao lại như vậy? Theo tác giả, một trong những nguyên nhân sâu xa là Việt Nam vẫn thực hiện cải cách và/hoặc đổi mới hệ thống DNNN một cách chậm chạp. Kinh tế thị trường có những nguyên tắc và quy luật khách quan bất biến. Không thể có kinh tế thị trường một cách thực sự trên nền tảng của chế độ công hữu, hoặc chế độ công hữu là phổ biến, hoặc chế độ công hữu vẫn "chi phối ý chí" của các nhà lập pháp và thực thi pháp luật. Việt Nam, trong suốt 30 năm đổi mới đã trải qua nhiều lần cải cách, đổi mới, tái cấu trúc, nên đã giảm đáng kể số lượng DNNN, nhưng không hề giảm quy mô kinh tế (vốn), cung cách quản trị, vị thế và trách nhiệm của doanh nghiệp theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Công cuộc cổ phần hóa hệ thống DNNN diễn ra chậm chạp, trì trệ và luôn không hoàn thành chỉ tiêu đặt ra. Về vấn đề này, tác giả chia sẻ với nhận xét khái quát của Phó chủ nhiệm Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội – Nguyễn Hữu Quang: "Không tiến triển. Tiến độ thực hiện cổ phần hóa DNNN tiếp tục chậm chạp làm lãng phí và sử dụng kém hiệu quả nguồn lực của nhà nước", cổ phần hóa thời gian qua vẫn là hiện tượng "bắn chỉ thiên" (Quốc Hùng, 2016). Tương tự như vậy, ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng ban Pháp chế VCCI thì cho rằng, phần lớn DNNN chưa có sự thay đổi về "chất" sau cổ phần hóa (Hoàng Xuân, 2016). Từ nhiều ý kiến trên, có thể khẳng định rằng, thái độ và đặc biệt hành động thực thi đổi mới chế độ sở hữu nói chung, trong đó có đổi mới chế độ đại diện quyền chủ sở hữu, để từ đó kéo theo sự đổi mới quản trị đối với hệ thống DNNN, cho đến nay, mặc dù đã qua 30 năm, với nhiều phương án và đề án khác nhau, nhưng vẫn hoàn toàn chưa rõ ràng và dứt khoát, không định hình rõ DNNN tồn tại là để thực hiện mục tiêu chính trị hay mục tiêu kinh tế hoặc cả hai? Hiện tại, quan điểm về DNNN ở Việt Nam hiện nay vẫn đang rơi vào trạng thái "lưỡng tính" xét về vai trò và mục tiêu của nó, khi những phán quyết về nó đứng trên lập trường của "tính định hướng xã hội chủ nghĩa" hay lập trường của "người xây dựng và điều hành thể chế kinh tế thị trường". Với lập trường đảm bảo "tính định hướng xã hội chủ nghĩa" kiên định, nhiều người vẫn mong muốn và thiên về việc coi DNNN (bộ phận điển hình của kinh tế nhà nước) phải vừa là một trong những đặc trưng, vừa giữ vai trò đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong trường hợp này rõ ràng, mặc dù không có tuyên bố công khai và chính thức, nhưng mặc

nhiên thừa nhận vai trò và nguyên nhân tồn tại của hệ thống DNNN thiên về trách nhiệm chính trị chứ không phải là kinh tế. Đã đảm đương trách nhiệm chính trị thì đương nhiên khó có thể thực hiện được chức năng kinh tế của doanh nghiệp theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Và khi đó, DNNN không thể thiếu vai trò chủ sở hữu trực tiếp là nhà nước, do đó, chúng không thể vận hành theo cơ chế thị trường dưới nguyên tắc "tự chủ, tự chịu trách nhiệm" theo kiểu "lời ăn, lỗ chịu".

Khi phải "sắm vai" điều hành nền kinh tế thị trường, các chủ thể lãnh đạo quản lý lại muốn DNNN cũng chỉ là một chủ thể kinh tế và kinh doanh như mọi doanh nghiệp khác trong cùng "sân chơi" kinh tế thị trường. Với vị trí này, DNNN phải lấy hiệu quả kinh doanh mà tiêu chí nổi bật nhất là lợi nhuận (trong khuôn khổ của luật pháp) làm mục tiêu và nguyên nhân của sự tồn tại. Thêm vào đó, việc hình thành nhóm lợi ích trên "cơ thể" hệ thống DNNN, càng làm cho việc quản lý hệ thống DNNN trở nên "rối" và kém rõ ràng. Nhiều trường hợp doanh nghiệp thì thua lỗ, nhưng lương của cán bộ quản lý và lãnh đạo vẫn cao "ngất ngưởng", nhưng không "ai" kiểm soát hết được. Đồng tình với quan điểm của chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan, nguyên nhân sâu xa của tình trạng trên là do "sự vô cảm, vô trách nhiệm của một số cơ quan nhà nước. Trong vấn đề cải cách khó trông chờ được sự tự giác từ các cơ quan, bởi vì ngoài sự "vô cảm" còn có lợi ích gắn vào đó. Không ít người có lợi ích gắn với sự bảo thủ, với sự không cải cách hơn là cải cách. Nếu xã hội hiếm có người "lấy đá ghè vào chân mình" thì làm sao cải cách được? (Hương Loan, 2016).

Theo kinh nghiệm của các nước đã và đang phát triển nền kinh tế thị trường, có thể khẳng định rằng, kinh tế thị trường không phủ nhận một cách tuyệt đối DNNN. Tuy nhiên, quy mô - số lượng và phạm vi tồn tại của hệ thống DNNN (nếu có) chỉ rất giới hạn. Không có con số cố định, nhưng giới hạn này thường là chỉ trong khuôn khổ các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh (một số quốc gia cũng không có hệ thống DNNN trong các lĩnh vực này), hoặc một số dịch vụ công ích. Trong phạm vi đó, DNNN có thể nghiêng về thực hiện vai trò chính trị. Ngoài giới hạn đó DNNN nếu tồn tại thì phải thực hiện chức năng kinh tế với nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm" hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận là trên hết. Đây là nguyên tắc "tối thượng" cho mọi sáng kiến đổi mới chế độ sở hữu nói chung và lựa chọn mô hình về chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam hiện nay. Tóm lại, ở Việt Nam hiện nay, nếu không kiên quyết và dứt khoát, thu hẹp phạm vi của hệ thống DNNN càng nhanh càng tốt, thì không thể mở rộng được "lãnh địa" của hệ thống doanh nghiệp dựa trên sở hữu tư nhân hoặc sở hữu cổ phần đại chúng. Điều đó đồng nghĩa với việc không tạo ra nền tảng mang tính tiền đề, đầy đủ và rõ ràng cho thể chế kinh tế thị trường và do đó, cũng khó có thể giúp cho nhà nước trở thành nhà nước kiến tạo và minh bạch. Trong cái "mớ bòng bong" đó Việt Nam khó có thể đẩy nhanh tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường hiện đại và chủ nghĩa xã hội công hữu vốn là hai mặt "nước và lửa" (C.Mác – Ph.Angghen, 1980). Chúng tôi cho rằng, DNNN khó có thể đồng thời thực hiện hoàn chỉnh được cả hai vai trò: chính trị và kinh tế. Bởi vậy, mọi ý chí và mong muốn hệ thống DNNN làm tròn cả hai vai chỉ là sự tiếp tục lưu giữ "bầu sữa" cho nhóm lợi ích và làm chậm hoặc kéo lùi tiến trình để Việt Nam có nền kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường hiện đại thực chất. Vì vậy, công việc chẳng những có ý nghĩa trước mắt mà cả lâu dài là Chính phủ phải kiên quyết có bước cải cách triệt để hệ thống DNNN, mà trước hết là cải cách chế độ sở hữu và lựa chọn trúng mô hình quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Vậy cải cách chế độ sở hữu và/hoặc quyền đại diện chủ sở hữu tại DNNN theo mô hình nào để đảm bảo mục tiêu bảo toàn và gia tăng hiệu quả vốn của nhà nước? Nên thành lập Ủy ban quản lý vốn nhà nước theo mô hình nào, mối quan hệ của công việc đó với tiến trình cổ phần hóa theo hướng "tăng tư, giảm công" nên như thế nào? Như đã nói, đây là chủ đề còn có nhiều ý kiến khác nhau. Tiếp theo, bài viết sẽ đề cập đến chủ đề này.

3. Đổi mới căn bản chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam nhằm góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

Việt Nam khó có thể xây dựng được một thể chế kinh tế thị trường hoàn chỉnh nếu quy mô và tầm mức của hệ thống DNNN đồ sộ như hiện nay và nếu cứ tiếp tục cổ phần hóa hệ thống DNNN một cách chậm chạp và hình thức như trong giai đoạn vừa qua. Thực ra, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nhận thức được điều này và cũng có nhiều giải pháp được đề xuất nhằm khắc phục. Nhưng đây là một cuộc "đấu tranh" mang tính ý thức hệ rất cao, rất khó khăn vì nó có thể gây tác động rất lớn đến kinh tế-xã hội của đất nước, nên chưa thoát ra khỏi sự áp

đặt sứ mệnh chính trị cho DNNN. Do đó, mô hình được lựa chọn và ghi trong Văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XII về việc tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước chưa đủ rõ ràng và mạch lạc cho các hành động của thực tiễn. Tình trạng đó lại dẫn đến khi triển khai phải ban hành hàng loạt Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị… Mà để ra đời, quán triệt và triển khai được một văn bản mang tính "pháp quy" như vậy không thể tính đơn vị thời gian bằng tháng, quý được. Chẳng hạn, hiểu như thế nào và thực thi ra sao với định hướng "doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng…". Vậy đâu là "lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng…"?. Tính then chốt và thiết yếu được xác định bằng tiêu chí nào, quy mô doanh nghiệp, mức lợi nhuận đóng góp, hiệu quả kinh doanh, nguồn lực chủ yếu… hay chỉ tiêu gì?. Hoặc "Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn tại những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm hoặc không cần giữ cổ phần chi phối,…". Vậy đó là những doanh nghiệp nhà nước nào thuộc đối tượng trên? Dùng tiêu chí gì để xác định? Những định hướng này, theo tác giả, sẽ dễ và nhanh chóng triển khai hơn nếu đưa ra được các tiêu chí gắn liền với những định hướng then chốt đó. Đại hội Đảng cần chỉ rõ, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần tập trung nắm các DNNN then chốt nào, thiết yếu nào, địa bàn nào hoặc những DNNN nào cần giữ cổ phần chi phối? Tất cả những định hướng đó được xác định theo chuẩn mực nào? Do không xác định rõ những điểm này nên dẫn đến hậu quả của việc đổi mới chế độ sở hữu nói chung và chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN đều diễn ra "chậm chạp", đôi khi, mang tính đối phó để đảm bảo sự "an toàn". Một bằng chứng sống động là vừa qua, thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII về việc "Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước" với hy vọng "Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, Ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp". Thực hiện chủ trương này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã công bố dự thảo Nghị định về việc thành lập "Ủy ban quản lý vốn Nhà nước". Dự thảo về việc thành lập Ủy ban này dựa trên phân tích, cân nhắc, lựa chọn từ một trong 3 mô hình điển hình đã tồn tại trên thế giới. Một là, thành lập một bộ hoặc cơ quan cấp bộ thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản nhà nước tại doanh nghiệp (điển hình là Indonesia và Trung Quốc); Hai là, thành lập một đơn vị thuộc Bộ Tài chính hoặc các bộ quản lý ngành để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu. Hình thức này được một số nước Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy), Đức, Nam Phi… thực hiện; Ba là, thành lập Công ty kinh doanh vốn đầu tư nhà nước (điển hình là Temasek – Singapore; Khazanah – Malaysia…). Ban soạn thảo dự thảo Nghị định về việc thành lập Ủy ban quản lý vốn nhà nước cũng nhận thấy rằng "mô hình thực hiện tập trung chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước vào một tổ chức đầu tư kinh doanh vốn nhà nước hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp đang dần trở thành xu thế, ngày càng được nhiều các quốc gia lựa chọn do có nhiều ưu điểm và phù hợp hơn về quản trị doanh nghiệp hiện đại so với các mô hình khác". Tác giả đồng tình với nhận xét này. Cả hai mô hình thứ nhất và thứ hai đều không phù hợp, không thể giải quyết được mục tiêu của cải cách DNNN ở Việt Nam:

Với mô hình Trung Quốc, như Hương Ly (2016) đã chỉ rõ "mô hình SASAC – cơ quan cấp bộ đặc biệt thuộc Quốc vụ viện – được xác định là một nguyên nhân dẫn đến sự thất bại trong cải cách DNNN tại Trung Quốc". Do đó Trung Quốc đang chuyển đổi mô hình này theo hướng "SASAC, tới đây, sẽ chỉ tập trung vào chức năng quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và không can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp", còn "nhiệm vụ quản lý vốn tại DNNN sẽ được chuyển giao cho các công ty đầu tư kinh doanh vốn được thiết kế theo mô hình Temasek của Singapore". Tác giả cho rằng cả mô hình cũ và mới của Trung Quốc không phải là "bài học" trực tiếp cho Việt Nam. Sự thất bại của mô hình cũ của Trung Quốc đã rõ ràng, còn mô hình mới là một sự lắp ghép khiên cưỡng.

Theo tác giả, Việt Nam và Trung Quốc chưa thể "học" được mô hình Temasek của Singapore vì mô hình Temasek là mô hinh kinh doanh vốn nhà nước. Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước hoàn toàn khác với cơ quan đại diện sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp. Công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước hoàn toàn tự do "bỏ vốn nhà nước" vào bất kỳ doanh nghiệp nào, miễn là đảm bảo có lãi. Lương của Tổng giám đốc công ty này có thể cao hơn cả lương của Thủ tướng, nếu kinh doanh vốn nhà nước mang lại hiệu quả cao. Mô hình Công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước không thể áp dụng cho trường hợp một quốc gia còn quản lý và sở hữu trực tiếp

hệ thống DNNN đồ sộ. Quản lý vốn mang tính cơ động rất cao khi đầu tư vào doanh nghiệp này hay doanh nghiệp khác, còn quản lý và sở hữu doanh nghiệp nhà nước, mặc dù chúng ta cố ý gán ghép cho từ "quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp" nhưng thật sự chỉ là sự lẫn lộn khái niệm. Hàm nghĩa của việc quản lý đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ thuần túy là quản lý kinh doanh vốn tài chính và cũng chỉ đại diện sở hữu nhà nước cho phần vốn này trong giới hạn "không chi phối". Còn sở hữu vốn và đại diện sở hữu các DNNN ở Việt Nam hiện nay là sở hữu và quản lý doanh nghiệp, quản lý cả lực lượng lao động thuộc nhà nước. Cho nên muốn áp dụng mô hình Temasek như Singapore, thì nhà nước, trước hết, phải thoát ra khỏi cái vòng "luẩn quẩn" của vai trò chủ sở hữu toàn bộ hoặc chi phối doanh nghiệp, có nghĩa là phải "vốn hóa" hay "tiền tệ hóa" phần tài sản của Nhà nước trong đại bộ phận các doanh nghiệp thuộc hệ thống DNNN hiện nay để chuyển đổi vai trò sở hữu cho các chủ khác có tính đến việc đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Trên tinh thần đó, việc đẩy mạnh cổ phần hóa ở hầu hết các DNNN ở Việt Nam hiện nay, theo hướng nhà nước tối thiểu hóa nắm giữ cổ phần chi phối ở tất cả các doanh nghiệp nhà nước phải là bước đi đầu tiên để thu vốn về cho nhà nước đã chứ không phải là việc thành lập một Ủy ban hay "Siêu bộ" như ý tưởng hiện nay. Việc thành lập Ủy ban hay "Siêu bộ", về thực chất, lại đi theo vết xe đổ của Trung Quốc mà họ đã thất bại. Nếu các cơ quan thừa hành, có thể rất "tròn vai" trong việc thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII bằng việc cứ thành lập Ủy ban quản lý vốn Nhà nước, nhưng thể chế kinh tế thị trường đầy đủ và hiệu quả kinh tế của hệ thống DNNN sẽ vẫn không có gì tiến bộ hơn so với hiện nay. Khi đó tiến trình đổi mới thể chế kinh tế ở Việt Nam sẽ tiếp tục bị "kìm nén", chưa kể đến những hệ lụy phát sinh trong việc xuất hiện một "siêu bộ" cồng kềnh về tổ chức, rối về chức năng trong tương quan với các bộ ngành khác.

Chúng tôi rất đồng tình với "chủ thuyết" lựa chọn của Chính phủ hiện nay là kiên quyết cổ phần hóa một cách công khai, minh bạch và nhà nước cũng không cần nắm cổ phần chi phối tại hai Tổng công ty lớn là Sabeco và Habeco và tiếp tục bán phần tài sản và vốn nhà nước tại Vinamilk (và 9 doanh nghiệp khác nữa) chứ không chờ có Ủy ban quản lý vốn nhà nước rồi mới thực hiện công việc này (Lê Trà, 2016). Đây là bước đi mạnh dạn và đúng hướng, cần phải làm công việc này một cách liên tục và kiên quyết với tất cả các doanh nghiệp nhà nước khác. Việt Nam có được thể chế kinh tế thị trường hoàn chỉnh hay không và có thay đổi được mô hình tăng trưởng hay không tùy thuộc rất lớn vào tốc độ của quá trình cổ phần hóa DNNN. Tóm lại, bước đi đối với việc cải cách chế độ đại diện quyền sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam, trước hết phải tiếp tục đẩy nhanh cải cách chế độ sở hữu tại hệ thống DNNN thông qua tiến trình cổ phần hóa theo hướng "giảm công, tăng tư" để thu hồi vốn về tay Nhà nước góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, rồi bước tiếp đến mới thành lập Tổng công ty kinh doanh vốn nhà nước theo mô hình của Singapore (Temasek) hay Malaysia (Khazanah). Hoặc hai quá trình này phải diễn ra song hành, hoàn toàn không nên thành lập Ủy ban quản lý vốn nhà nước ngay trong bối cảnh hiện nay.

Nhân đây, tác giả cũng muốn bàn đến một chủ đề mà nhiều nhà khoa học và quản lý còn băn khoăn. Đó là việc cổ phần hóa các DNNN sẽ mất đi các thương hiệu Việt. Đây phải chăng là việc "lo thái quá". Thương hiệu là tài sản lớn của doanh nghiệp, lo lắng bị mất thương hiệu là đúng, nhưng không nên cứng nhắc và cực đoan. Theo chúng tôi, khi cổ phần hóa các DNNN và chuyển đổi chủ sở hữu đối với chúng thì trong phần giá trị doanh nghiệp tất yếu phải có phần giá trị thương hiệu rồi. Sau khi thương hiệu đã chuyển về tay chủ mới, mà khi đó nhà nước không còn giữ cổ phần chi phối nữa, thì việc giữ hay thay thương hiệu mới là toàn quyền của Hội đồng cổ đông quyết định. Và chắc chắn rằng việc "các chủ mới" giữ nguyên hay xây dựng thương hiệu mới là hoàn toàn tùy thuộc vào bối cảnh thị trường và giá trị thương hiệu hiện đang dùng quyết định, chứ không phải nhà nước. Đó mới là cơ chế thị trường. Trong lý thuyết marketing hiện đại đã chỉ ra 4 chiến lược thương (nhãn) hiệu: Mở rộng chủng loại, mở rộng nhãn hiệu, nhiều nhãn hiệu, nhãn hiệu mới. Việc doanh nghiệp quyết định đưa ra một thương hiệu mới là một việc thuộc quyền doanh nghiệp và là điều hết sức bình thường. Nhà nước không có quyền quyết định việc doanh nghiệp phải mang thương hiệu nào, phải giữ thương hiệu nào. Đó không phải là công việc của quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Không nên dựa vào lý do này để "cản trở" việc cổ phần hóa các DNNN ở Việt Nam hiện nay. Còn nếu Nhà nước muốn giữ thương hiệu Việt, như nhiều người đề xuất, nhà nước có thể học tập kinh nghiệm quốc tế áp dụng chế độ "cổ phần vàng" để "với một tỷ lệ rất nhỏ "cổ phần

vàng" này nhưng có quyền quyết định, biểu quyết về thương hiệu" (Lê Trà, 2016). Nếu đi theo hướng đó thì chỉ có thể có 2 khả năng: *Một là,* nếu trong giá trị cổ phần hóa doanh nghiệp bao gồm cả giá trị thương hiệu thì chắc chắn các nhà đầu tư chủ chốt (giữ vai trò chi phối) sẽ không mua. Vì họ sẽ không bỏ tiền ra để mua cả phần vốn "thương hiệu" mà họ lại không có quyền "biểu quyết" hay mua phần vốn mà quyền "biểu quyết" thuộc về người khác. Với tình huống này tiến trình cổ phần hóa DNNN tiếp tục bị "phanh". *Hai là,* trong giá trị cổ phần của doanh nghiệp không bao gồm giá trị thương hiệu. Khi đó, thực chất giá trị thương hiệu vẫn do nhà nước nắm giữ và chi phối và được đánh giá cao hơn giá trị tài sản vật chất đem cổ phần hóa, thì nhà nước mới có thể có quyền biểu quyết bằng "cổ phần vàng". Nếu quyền biểu quyết của Nhà nước vẫn lớn như vậy thì "sự tăng tư" trong tiến trình cổ phần hóa DNNN vẫn không đạt được và nhà đầu tư, khi đó cũng sẽ cân nhắc việc mua hay không mua trong tình huống này.

Nếu Việt Nam có được ý chí chính trị của các cơ quan lãnh đạo và quyết tâm triển khai của các cơ quan quản lý theo quan điểm và tinh thần như trên đối với hệ thống DNNN hiện nay, mà theo tác giả là không có sự lựa chọn khác, thì đây là con đường ngắn nhất và nhanh nhất để chúng ta có một thể chế kinh tế thị trường đích thực. Mọi tiếp cận theo hướng khác chỉ là sự kéo lùi quá trình đổi mới và phát triển của Việt Nam mà thôi.

Tài liệu tham khảo

C.Mác – Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập,* NXB Sự thật, Hà Nội, tI, tr.296

Đặng Hương (2016), 'Những câu hỏi lớn đang chờ đợi phía trước', *Thời báo Kinh tế Việt Nam,* số 203, ngày 24, tháng 8, tr. 4.

Hoàng Xuân (2016), 'Chưa thay đổi về chất sau cổ phần hóa', *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, ngày 19 – 20 tháng 8, tr. 3.

Hương Loan (2016), 'Tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp', *Thời báo Kinh tế Việt Nam,* số 198, ngày 18 tháng 8, tr. 5.

Hương Ly (2016), 'Quản lý vốn nhà nước: loay hoay tìm mô hình', *Thời báo kinh tế Việt Nam,* số 163+164, ngày 8-9 tháng 7, tr. 12.

Lê Trà (2016) ' Sẽ giữ thương hiệu cho Vinamilk' *Thời báo kinh tế Việt Nam,* số 225, ngày 19 tháng 9, trang 3 và số 223, ngày 28 tháng 9, trang 8.

Quốc Hùng (2016), 'Không " bắn chỉ thiên" trong cổ phần hóa', *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, số 205 + 206, ngày 26 – 27 tháng 8, tr. 3.

Văn phòng Trung ương Đảng (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà in Sự thật, Hà Nội, tr. 106.